

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

D: 22
H: 01

72

C. Hoà

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460562)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: **23**

Số bài thi: **23**

Số tờ giấy thi: **23**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **06/05/2025**

Giờ thi: **14h45**

Phòng thi: **D6-33**

Số SV có mặt: **23**

Số bài thi: **23**

Số tờ giấy thi: **23**

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2124210034	Phạm Đỗ Thanh	Ngọc	31/08/2006	CCQ2421A	369		7.3		9.0	9.2	9.3	8.6	
2	2124210057	Ngô Thị Kim	Nguyên	21/02/2006	CCQ2421B	426		8.1		5.6	6.9	8.8	7.7	
3	2124210031	Hồ Huỳnh Tâm	Như	20/07/2006	CCQ2421A	145		4.9		3.0	4.0	5	4.4	
4	2124210008	Kiều	Niza	15/07/2006	CCQ2421A	217		3.9		3.9	3.9	8.2	5.6	
5	2124210023	Hồ Thị Kim	Oanh	06/03/2006	CCQ2421A	369		7.9		4.8	6.4	9	7.4	
6	2124210020	Nguyễn Diễm	Phúc	22/10/2006	CCQ2421A	426		6.7		8.7	7.7	8.1	7.9	
7	2124210019	Tô Thị Ngọc	Phụng	03/03/2006	CCQ2421A	145		8.1		7.9	8.0	9	8.4	
8	2124210005	Phạm Khánh	Quỳnh	29/08/2003	CCQ2421A	126		9.5		8.5	9.0	9.7	9.3	
9	2124210021	Đoàn Minh	Sang	09/07/2006	CCQ2421A							0		
10	2124210030	Đặng Quốc	Thái	26/10/2006	CCQ2421A	217		6.6		5.2	5.9	6.8	6.3	
11	2124210014	Dương Thanh	Thảo	25/11/2006	CCQ2421A	145		9.1		9.1	9.1	9.5	9.3	
12	2124210010	Hồ Xuân	Thị	08/09/2006	CCQ2421A	426		6.2		3.7	5.0	6.6	5.6	
13	2124210003	Trịnh Phúc	Thiện	01/10/2000	CCQ2421A	369		6.8		6.0	6.4	6.1	6.3	
14	2124210029	Đặng Gia	Thịnh	25/09/2006	CCQ2421A	217		6.1		6.4	6.3	6.2	6.3	
15	2124210012	Hà Minh	Thơ	18/12/2006	CCQ2421A	145		9.1		9.2	9.2	9.7	9.4	
16	2124210013	Trương Thị Thu	Thủy	22/07/2006	CCQ2421A	217		6.5		7.5	7.0	8.6	7.6	
17	2124210022	Võ Thị Thủy	Tiền	16/11/2006	CCQ2421A	369		5.2		6.8	6.0	8.7	7.4	

27/04/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

(72)

C. Hòa

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nguyễn Thị
Thị Hương

Nguyễn Thị Hồng
Xuyến

Nguyễn Thị Hương

Nguyễn Thị Hương

Moan

Nguyễn Thị Hương

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460562)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/5/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2124210011	Cao Thị Tú	Trinh	26/03/2006	CCQ2421A	426		5,6		2,6	4,1	7,4	5,4	
19	2124210028	Phan Lý Thanh	Tuyển	09/10/2006	CCQ2421A	145		7,8		8,2	8,0	9,3	8,5	
20	2124210007	Trương Hoàng Kim	Tuyển	09/12/2006	CCQ2421A	217		5,5		7,7	6,6	8,6	7,4	
21	2124210009	Nguyễn Thị Xuân	Uyên	05/11/2006	CCQ2421A	369		8,7		9,1	8,9	9,9	9,3	
22	2124210016	Phan Tuấn	Vũ	23/10/2006	CCQ2421A	426		4,0		3,0	3,6	7	5,0	
23	2124210032	Tổng Kim Anh	Vũ	29/03/2006	CCQ2421A	145		6,3		5,3	5,8	7,9	6,6	
24	2124210025	Mai Thị Hương	Xuyến	20/01/2006	CCQ2421A	217		7,0		5,8	6,4	8,5	7,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460559)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/05/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2124190001	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	28/02/2005	CCQ2419A	369	<i>Camly</i>	7.5	<i>Camly</i>	9.5	8.5	9.6	8.9	
2	2124190057	Lâm Thị Tuyết	Mai	20/03/2006	CCQ2419B	4126	<i>Im</i>	5.2	<i>Im</i>	3.8	4.5	4.1	4.3	HL
3	2124190032	Nguyễn Thị Hồng	Na	16/07/2006	CCQ2419A	1115	<i>Na</i>	4.2	<i>Na</i>	7.7	6.0	4.8	5.5	
4	2124190028	Nguyễn Thị Kim	Ngân	09/11/2006	CCQ2419A	217	<i>Kim</i>	6.1	<i>Kim</i>	4.8	5.5	7.4	6.3	
5	2124190030	Nguyễn Thị Kim	Ngân	22/08/2006	CCQ2419A	369	<i>Kim</i>	5.0	<i>Kim</i>	5.8	5.4	6.9	6.0	
6	2124190071	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	21/09/2006	CCQ2419B	426	<i>Yongoc</i>	5.5	<i>Yongoc</i>	9.0	7.3	6.7	7.1	
7	2124190054	Phan Ngọc	Nguyễn	01/08/2006	CCQ2419B		<i>Phan</i>		<i>Phan</i>	8.5	7.3	7.4	7.0	HL
8	2124190035	Trần Minh	Nhân	11/02/2006	CCQ2419A	145	<i>Minh</i>	6.3	<i>Minh</i>	9.2	7.8	5.9	7.0	
9	2124190011	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	06/01/2006	CCQ2419A	217	<i>Nhi</i>	5.3	<i>Nhi</i>	6.5	5.9	6.1	6.0	
10	2124190019	Trần Yến	Nhi	15/01/2006	CCQ2419A	369	<i>Nhi</i>	3.8	<i>Nhi</i>	5.0	4.4	3.5	4.0	HL
11	2124190024	Thọ Nữ An	Phận	14/11/2003	CCQ2419A	406	<i>An</i>	9.3	<i>An</i>	8.5	8.9	9.9	9.3	
12	2124190066	Đỗ Mạnh	Phi	20/07/2004	CCQ2419A	145	<i>Phi</i>	7.4	<i>Phi</i>	8.0	7.7	7.8	7.7	
13	2124190027	Lê Như	Thảo	25/12/2006	CCQ2419A	217	<i>Thao</i>	5.1	<i>Thao</i>	7.8	6.5	6.8	6.6	
14	2124190026	Trần Thị Phương	Thảo	25/04/2006	CCQ2419A							0		
15	2124190031	Trịnh Võ Thu	Thảo	12/06/2006	CCQ2419A	369	<i>Thao</i>	6.2	<i>Thao</i>	6.0	6.1	6	6.1	
16	2124190018	Lê Thị Kim	Thu	29/05/2006	CCQ2419A	217	<i>Kim</i>	7.0	<i>Kim</i>	6.8	6.9	7.8	7.3	
17	2124190015	Trần Thị Kim	Thư	14/06/2006	CCQ2419A	145	<i>Kim</i>	6.9	<i>Kim</i>	6.1	6.5	5.3	6.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

(73)
C.Loan

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 Môn Viết G.Viên chấm thi 2 Môn Viết G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp

hmm
Tổ thi:
Mỹ Hồng

Hye
Phạm Thái Huyền

Nguyễn Thanh Xuân

Phạm Thị Thu

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460559)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/5/2025 Số SV có mặt:

Giờ thi: 14h45 Số bài thi:

Phòng thi: D5-29 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2124190017	Trần Thị Thu	Thúy	22/08/2006	CCQ2419A	496	Thúy	7.6	Thúy	5.8	6.7	6.3	6.5	
19	2124190033	Đào Thị Quế	Trâm	26/05/2006	CCQ2419A	369	Quế	5.8	Quế	6.5	6.2	6.1	6.2	
20	2124190023	Nguyễn Phạm Thùy	Trâm	16/08/2006	CCQ2419A	217	Trâm	3.2	Trâm	6.6	4.9	4.2	4.6	HL
21	2124190012	Nguyễn Minh	Tuấn	20/10/2006	CCQ2419A									
22	2124190020	Nguyễn Thị Tỏ	Uyên	24/06/2006	CCQ2419A	145	Uyên	3.4	Uyên	5.1	4.3	4.4	4.3	HL
23	2124190034	Nguyễn Thị Hoài	Vân	01/12/2006	CCQ2419A	126	Hoài	8.5	Hoài	8.9	8.7	9.7	9.1	
24	2124190025	Võ Sĩ Triết	Vy	07/08/2006	CCQ2419A							0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ: 15
H: 3

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

[Signature]
Nguyễn Thị Thi Lan

[Signature]
Trần Văn

[Signature]
Nguyễn
Thảo Anh

[Signature]
Ng. T. Huyền

[Signature]
Bà Thị
Đinh

[Signature]
Ng. T. P. Linh

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460536)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 12

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/05/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2124120090	Tô Thị Hoài	Thương	03/04/2006	CCQ2412C	426	<i>[Signature]</i>	5.2	<i>[Signature]</i>	2.9	4.1	5.8	4.8	
2	2124120116	Trần Thu	Thương	02/11/2006	CCQ2412D							0	Cấm thi	
3	2124120080	Nguyễn Thị Ngọc	Thủy	26/09/2002	CCQ2412C	445	<i>[Signature]</i>	6.3	<i>[Signature]</i>	8.1	7.2	7.7	7.4	
4	2124120081	Nguyễn Thị Thu	Thủy	05/06/2006	CCQ2412C	217	<i>[Signature]</i>	6.6	<i>[Signature]</i>	8.5	7.6	8.3	7.9	
5	2124120115	Hoàng Như Mai	Thy	30/05/2006	CCQ2412D	369	<i>[Signature]</i>	6.4	<i>[Signature]</i>	7.8	7.1	6.4	6.8	
6	2124120097	Lưu Thủy	Tiên	24/11/2006	CCQ2412C	406	<i>[Signature]</i>	6.0	<i>[Signature]</i>	7.2	6.6	6.2	6.4	
7	2124120137	Trương Thị Thủy	Tiên	15/12/2006	CCQ2412D	369	<i>[Signature]</i>	3.9	<i>[Signature]</i>	4.2	4.1	5.1	4.5	
8	2124120084	Trần Thị	Tinh	26/08/2006	CCQ2412C	145	<i>[Signature]</i>	5.4	<i>[Signature]</i>	6.9	6.2	7.6	6.8	
9	2124120074	Huỳnh Ngọc Bảo	Trâm	15/03/2006	CCQ2412C	217	<i>[Signature]</i>	5.9	<i>[Signature]</i>	8.0	7.0	6.6	6.8	
10	2124120113	Phan Nữ Thủy	Trâm	30/10/2006	CCQ2412D	369	<i>[Signature]</i>	4.8	<i>[Signature]</i>	7.0	5.9	6.9	6.3	
11	2124120286	Huỳnh Văn	Tri	24/07/2006	CCQ2412D							0	Cấm thi	
12	2124120209	Nguyễn Ngọc Lam	Trinh	22/05/2006	CCQ2412C	426	<i>[Signature]</i>	6.9	<i>[Signature]</i>	8.2	7.6	7.5	7.6	
13	2124120104	Phạm Ngọc	Trung	23/09/2006	CCQ2412C							0	Cấm thi	
14	2124120102	Trần Thanh	Trương	26/02/2006	CCQ2412C	369	<i>[Signature]</i>	4.8		7.7	6.3	7.7	6.9	
15	2124120114	Lê Minh	Tuấn	25/07/2006	CCQ2412D						0.0	4.2	1.7	
16	2124120085	Lê Thị Thanh	Tuyền	04/04/2006	CCQ2412C	426	<i>[Signature]</i>	5.5	<i>[Signature]</i>	8.4	7.0	6	6.6	
17	2124120103	Nguyễn Thị Tường	Vi	14/01/2004	CCQ2412C	217	<i>[Signature]</i>	5.9	<i>[Signature]</i>	8.3	7.1	9.1	7.9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

*Nguyễn Thị
Thảo Lan*

*Trần Văn
Hiên*

*Nguyễn
Thật Duyệt*

*Nguyễn Thị
Hồng Hà*

*Trần Thị
Thị Hương*
Nguyễn T. P. Linh

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460536)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/5/2025 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 14h45 Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2124120105	Lý Phúc	Việt	10/08/2006	CCQ2412C						0	cấm thi	
19	2124120072	Trần Quang	Vinh	13/01/2006	CCQ2412C	426	4.5	có thi	7,2	5.9	7,5	6.5	
20	2124120118	Lê Đình Hoàng	Vy	02/09/2006	CCQ2412D						0	cấm thi	
21	2124120122	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	30/09/2006	CCQ2412D	145 Vy	4.4	Vy	8,1	6.3	6,5	6.4	
22	2124120096	Nguyễn Thị Thu	Vy	25/05/2006	CCQ2412C	217 Vy	4.8	Vy	6,5	5.7	8,1	6.7	
23	2124120131	Bùi Trương Như	Yến	29/10/2006	CCQ2412D	145 Như	3.5	Thủy	5,9	4.7	5,1	4.9	
24	2124120132	Đào Phương	Yến	13/10/2005	CCQ2412D	369 Phương	3.5	Phu	6,3	4.9	7,4	5.9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ: 15
H: 2

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460575)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/05/2025

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 17

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2124270011	Hoàng Đặng Xuân	Quỳnh	04/01/2006	CCQ2427A	217		7.0		6.4	6.8	8.2	7.3	
2	2124270042	Phạm Văn	Son	16/04/2006	CCQ2427B	145		6.8		3.2	5.0	5.6	5.2	
3	2124270015	Phạm Nguyễn Hữu	Tài	10/08/2006	CCQ2427A	426		6.3		2.4	4.4	5.9	5.0	
4	2124270031	Nguyễn Thị Như	Thắm	07/01/2006	CCQ2427A							0	Cấm thi	
5	2124270060	Đỗ Công	Thành	26/11/2006	CCQ2427A	145	Thành	4.8	l' thi	5.0	4.9	6.9	5.8	
6	2124270046	Lai Hoàng Nguyên	Thảo	16/03/2006	CCQ2427B	426		4.8	thành	5.9	5.4	6.9	6.0	
7	2124270016	Nguyễn Quốc	Thịnh	29/07/2006	CCQ2427A	369	Thịnh	4.3	Thịnh	6.4	5.4	7	6.0	
8	2124270037	Hoàng Minh	Thư	10/09/2006	CCQ2427B							0	Cấm thi	
9	2124270023	Lê Thị Minh	Thư	22/12/2006	CCQ2427A	145		5.0		7.8	6.4	8	7.0	
10	2124270025	Phạm Thị Bích	Thuận	15/11/2006	CCQ2427A	426	Thuận	5.2	thuận	5.6	5.4	7.2	6.1	
11	2124270006	Nguyễn Thị Mộng	Thuy	13/03/2006	CCQ2427A	369	Thuy	4.1	Thuy	4.1	4.1	5.4	4.6	
12	2124270018	Nguyễn Hoàng Mai	Thy	26/11/2006	CCQ2427A	217	Thy	4.4	Thy	6.0	5.2	5.8	5.4	
13	2124270032	Nguyễn Lê Phương	Thy	12/08/2006	CCQ2427A	145	Thy	2.6	Thy	4.1	3.4	5.8	4.4	
14	2124270051	Hồ Lê Bảo	Trâm	20/12/2006	CCQ2427B	426		5.1		4.4	4.8	6.5	5.5	
15	2124270017	Nguyễn Ngô Huyền	Trúc	15/12/2006	CCQ2427A	426		6.6		8.1	7.4	6.9	7.2	
16	2124270152	Phạm Đức	Trung	16/07/2006	CCQ2427A							0	Cấm thi	
17	2124270049	Mai Huy	Trường	08/07/2005	CCQ2427B							0	Cấm thi	

27/04/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460575)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/5/2025

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 17

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2124270137	Võ Nguyễn Thanh	1 tháng	24/07/2006	CCQ2427A						0	Cấm thi	
19	2124270004	Ngo Ngọc Phương	Uyên	13/02/2006	CCQ2427A						0	Cấm thi	
20	2124270067	Võ Lê Anh	Việt	15/10/2006	CCQ2427B						0	Cấm thi	
21	2124270007	Huỳnh Xuân	Vinh	13/11/2006	CCQ2427A	217	5.4	1	3.6	4.5	5.3	4.8	
22	2124270063	Đặng Tuấn	Vũ	16/01/2006	CCQ2427B	145	5.0	1	6.5	5.8	7.4	6.4	
23	2124270033	Nguyễn Thị Yến	Vy	17/10/2006	CCQ2427A	217	4.2	1	5.6	4.9	6.8	5.8	
24	2124270036	Võ Ngọc Thảo	Vy	19/10/2006	CCQ2427B	369	4.4	1	5.8	5.1	7.5	6.1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460540)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 2

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/5/2025

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 2

Số tờ giấy thi: 19

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2124120265	Lê Thị Phương	Thúy	01/11/2006	CCQ2412H	426	Thúy	8,1	Thúy	8,5	8,3	8,7	8,5	
2	2124120289	Lê Duy	Tiến	28/06/2006	CCQ2412H							0		
3	2124120272	Phạm Tân	Tiến	22/05/2004	CCQ2412H	426	Tân	3,2	Tân	9,0	6,1	3,9	5,2	
4	2124120283	Lê Thị Kim	Tiến	23/04/2006	CCQ2412H	369	Kim	6,6	Kim	7,6	7,1	7,4	7,2	
5	2124120217	Lê Thị Bảo	Tín	03/01/2006	CCQ2412G	498	Tín	4,0	Tín	7,7	5,9	5,4	5,7	
6	2124120281	Nguyễn Gia	Tín	10/03/2005	CCQ2412H							0		
7	2124120244	Phan Nữ Ngọc	Trần	25/01/2006	CCQ2412G	217	Trần	7,5	Trần	7,8	7,7	8,9	8,2	
8	2124120227	Trần Thị Huyền	Trần	27/01/2006	CCQ2412G	369	Trần	5,7	Trần	7,3	6,5	7,5	6,9	
9	2124120277	Trịnh Thị Thùy	Trang	12/01/2006	CCQ2412H	217	Thùy	7,9	Thùy	8,5	8,2	9,4	8,7	
10	2124120292	Trịnh Thanh	Trung	16/01/2003	CCQ2412H	145	Thanh	5,8	Thanh	6,7	6,3	8,1	7,0	
11	2124120295	Nguyễn Xuân	Trường	11/03/2004	CCQ2412H							0		
12	2124120294	Nguyễn Văn Anh	Tuấn	01/10/2006	CCQ2412G							0		
13	2124120245	Nguyễn Xuân	Tuyền	19/03/2006	CCQ2412G	217	Xuân	8,1	Xuân	7,7	7,9	8,9	8,3	
14	2124120297	Vũ Ánh	Tuyết	10/11/2006	CCQ2412H	145	Ánh	3,6	Ánh	6,4	5,0	6,3	5,5	
15	2124120270	Nguyễn Công	Ty	20/08/2006	CCQ2412H	369	Ty	2,5	Ty	4,0	1,8	5,2	3,2	
16	2124120230	Xa Thị Hồng	Vân	30/04/2006	CCQ2412G	426	Vân	6,5	Vân	7,9	7,2	8,5	7,7	
17	2124120293	Lê Nhật	Vinh	20/10/2003	CCQ2412H	145	Nguyệt	4,3	Nguyệt	3,0	3,7	7,4	5,2	

29/04/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460540)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/5/2025 Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 19

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 19

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2124120260	Lê Trần Thanh	Vy	15/03/2006	CCQ2412H	212		8,3		8,8	8,6	9,4	8,9	
19	2124120258	Lê Vũ Tường	Vy	01/10/2006	CCQ2412H	369		9,5		9,0	9,3	9,8	9,5	
20	2124120273	Nguyễn Minh Thủy	Vy	11/06/2006	CCQ2412H	426		6,5		6,8	6,7	6,4	6,6	
21	2124120226	Nguyễn Thị Hoàng	Vy	15/05/2006	CCQ2412G	217		7,9		7,4	7,7	8,4	8,0	
22	2124120288	Nguyễn Thị Thảo	Vy	01/09/2006	CCQ2412H	145		7,2		8,3	7,8	7,9	7,8	
23	2124120296	Nguyễn Thị Thảo	Vy	26/06/2006	CCQ2412H							0		
24	2124120255	Trần Nguyễn Thảo	Vy	04/10/2006	CCQ2412H	369		5,5		8,4	7,0	9,2	7,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ120
N10

Cán bộ coi thi 1

[Signature]
Nguyễn Đức

Cán bộ coi thi 2

[Signature]
L.V. Quốc

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

[Signature]
Nguyễn Thị Xuân Hồng

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

[Signature]
Hồng Thăng Hoàng

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

[Signature]
P.V. Mel

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

[Signature]
Trần Thị Ái Hương

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460521)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B106

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/05/2025 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 20

Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2124100106	Trần Thị Hoài	Thu	01/07/2006	CCQ2410C	369	<i>[Signature]</i>	4,6	<i>[Signature]</i>	5,5	5,1	6,5	5,7	
2	2124100084	Lê Thị	Thư	02/06/2005	CCQ2410C	426	<i>[Signature]</i>	4,6	<i>[Signature]</i>	4,6	4,6	7,4	5,7	
3	2124100120	Nguyễn Vũ Anh	Thư	26/09/2006	CCQ2410D	145	<i>[Signature]</i>	7,1	<i>[Signature]</i>	8,0	7,6	9,7	8,4	
4	2124100094	Võ Thị Minh	Thư	01/03/2006	CCQ2410C	217	<i>[Signature]</i>	6,6	<i>[Signature]</i>	6,3	6,5	9,1	7,5	
5	2124100090	Phạm Thị	Thương	08/10/2001	CCQ2410C	369	<i>[Signature]</i>	9,5	<i>[Signature]</i>	8,0	8,8	10	9,3	
6	2124100227	Trình Thị Thanh	Thúy	17/05/2005	CCQ2410D	426	<i>[Signature]</i>	7,4	<i>[Signature]</i>	6,8	7,1	9,5	8,1	
7	2124100234	Lê Khánh Quỳnh	Tien	05/04/2000	CCQ2410D							0		
8	2124100102	Doanh Thị Quỳnh	Trâm	17/07/2006	CCQ2410C	426	<i>[Signature]</i>	6,9	<i>[Signature]</i>	8,0	7,5	8,7	8,0	
9	2124100108	Lưu Thị Như	Trâm	01/11/2006	CCQ2410D							0		
10	2124100217	Trần Nguyễn Khánh	Trâm	02/05/2006	CCQ2410D	369	<i>[Signature]</i>	6,5	<i>[Signature]</i>	8,3	7,4	9,1	8,1	
11	2124100112	Lê Ngọc Huyền	Trân	01/06/2006	CCQ2410D	217	<i>[Signature]</i>	6,6	<i>[Signature]</i>	7,5	7,1	7,6	7,3	
12	2124100081	Hồ Ngọc Thiên	Trang	18/01/2006	CCQ2410C							0		
13	2124100233	Quách Thị Thu	Trang	08/06/2006	CCQ2410D							0		
14	2124100124	Trần Thị Minh	Trang	28/09/2006	CCQ2410D	145	<i>[Signature]</i>	8,0	<i>[Signature]</i>	7,0	7,5	9,8	8,4	
15	2124100074	Trần Thị Thuý	Trang	14/11/2006	CCQ2410C	145	<i>[Signature]</i>	5,8	<i>[Signature]</i>	4,9	5,4	6,9	6,0	
16	2124100109	Thiên Nữ Hoàng	Tranh	14/01/2006	CCQ2410D	217	<i>[Signature]</i>	4,3	<i>[Signature]</i>	5,2	4,8	6,7	5,6	
17	2124100073	Lê Thị Kiều	Trình	02/11/2006	CCQ2410C	369	<i>[Signature]</i>	6,9	<i>[Signature]</i>	5,2	6,1	8,2	6,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

[Signature]
Nguyễn Văn Anh

Cán bộ coi thi 2

[Signature]
L.V. Quân

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

[Signature]
Nguyễn Thị Xuân Hồng

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

[Signature]
Hồng Thắm Hoàng

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

[Signature]
P. V. M.

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

[Signature]
Trần Thị Diễm

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460521)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B106

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/5/2025 Số SV có mặt: 20...

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 20...

Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi: 20...

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2124100107	Trần Thị Tuyết	Trình	16/02/2006	CCQ2410D	426	<i>[Signature]</i>	4,1	<i>[Signature]</i>	6,4	5,3	6,4	5,7	
19	2124100117	Dương Quốc	Tuấn	03/01/2006	CCQ2410D	145	<i>[Signature]</i>	7,2	<i>[Signature]</i>	6,5	6,9	8,1	7,4	
20	2124100105	Nguyễn Thị Lâm	Tuyền	16/09/2006	CCQ2410C	217	<i>[Signature]</i>	8,5	<i>[Signature]</i>	8,7	8,6	10	9,2	
21	2124100085	Trần Thị Khánh	Vân	18/09/2006	CCQ2410C	369	<i>[Signature]</i>	6,7	<i>[Signature]</i>	6,5	6,6	7,1	6,8	
22	2124100078	Nguyễn Thuý	Vy	19/09/2006	CCQ2410C	426	<i>[Signature]</i>	5,8	<i>[Signature]</i>	7,9	6,9	8,5	7,5	
23	2124100087	Trần Ngô Thủy	Vy	15/02/2006	CCQ2410C	415	<i>[Signature]</i>	8,7	<i>[Signature]</i>	8,5	8,6	8,6	8,6	
24	2124100095	Trương Bảo	Vy	03/12/2006	CCQ2410C	217	<i>[Signature]</i>	4,7	<i>[Signature]</i>	5,1	4,9	6,4	5,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

D: 16
H: 02

Cán bộ coi thi 1

N.T. Phay

Cán bộ coi thi 2

Lê Văn Miền

G. Viên chấm thi 1

Nguyễn Ngọc Châu

G. Viên chấm thi 1

Nguyễn Minh Tuấn

G. Viên chấm thi 1

Nguyễn Minh Tuấn

G. Viên chấm thi 2

Lê Tấn Thạc

(78)
T. Tuấn

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460598)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B107

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/5/2025 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 7h30 Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2124350027	Lê Anh	Kiệt	24/10/2006	CCQ2435A	217	<i>Kiệt</i>	5,0	<i>Kiệt</i>	5,2	5,1	7,7	6,1	
2	2124350031	Lê Tuấn	Kiệt	29/09/2005	CCQ2435A	145	<i>K</i>	5,5	<i>Kiệt</i>	3,8	4,7	5,5	5,0	
3	2124350034	Phạm Quang	Nghĩa	14/09/2006	CCQ2435A							0		
4	2124350037	Huỳnh Quang	Phúc	10/07/2006	CCQ2435A	369	<i>Phúc</i>	9,4	<i>Phúc</i>	7,4	8,4	9,7	8,9	
5	2124350043	Lê Tài	Phúc	08/09/2004	CCQ2435A							0		
6	2124350024	lq Quý	Phụng	16/05/2006	CCQ2435A	145	<i>Phu</i>	5,6	<i>Phu</i>	6,2	5,9	9,1	7,2	
7	2124350003	Cáp Minh	Quân	23/05/2006	CCQ2435A	426	<i>2m</i>	5,7	<i>2m</i>	4,8	5,3	7,6	6,2	
8	2124350006	Trần Hoàng	Quân	18/09/2004	CCQ2435A	369	<i>22</i>	9,7	<i>22</i>	7,3	8,5	7,1	7,9	
9	2124350122	Hà Văn	Tâm	13/12/2002	CCQ2435A							0		
10	2124350028	Trương Thoại Phương	Thanh	09/09/2006	CCQ2435A							0		
11	2124350119	Trần Ngọc Phương	Thảo	26/08/2006	CCQ2435A							0		
12	2124350042	Huỳnh Gia	Thiếu	31/03/2006	CCQ2435A	369	<i>Thiếu</i>	7,0	<i>Thiếu</i>	6,1	6,6	8,2	7,2	
13	2124350021	Phạm Hữu	Thừa	23/11/2006	CCQ2435A	217	<i>Thu</i>	5,2	<i>Thu</i>	7,3	6,3	7,4	6,7	
14	2124350026	Lê Thanh	Tín	13/10/2006	CCQ2435A	145	<i>Tin</i>	5,1	<i>Tin</i>	5,8	5,5	7,7	6,4	
15	2124350030	Phạm Thị Yến	Trang	07/05/2006	CCQ2435A	426	<i>Trang</i>	6,9	<i>Trang</i>	8,1	7,5	7,3	7,4	
16	2124350017	Nguyễn Thị Thảo	Tranh	16/08/2006	CCQ2435A	369	<i>Tranh</i>	7,7	<i>Tranh</i>	5,2	6,5	8,1	7,1	
17	2124350019	Trần Nhật	Tri	09/04/2006	CCQ2435A							0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

[Signature]
N.T. Huy

Cán bộ coi thi 2

[Signature]
L. Văn Nhân

G. Viên chấm thi 1

[Signature]
Nguyễn Ngọc Châu

G. Viên chấm thi 2

[Signature]
Nguyễn Minh Tuấn

G. Viên chấm thi 1

[Signature]
Nguyễn Minh Tuấn

G. Viên chấm thi 2

[Signature]
L. Văn Nhân

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460598)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B107

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/5/2025 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 7h30 Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-27 Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2124350022	Phan Thị Kiều	Trình	12/10/2006	CCQ2435A	145	Trình	5,7	Trình	7,5	6,6	8,6	7,4	
19	2124350045	Ha Viết	Trung	18/08/2006	CCQ2435A	426	Ha	3,3	Ha	3,7	3,5	5,5	4,3	
20	2124350018	Nguyễn Viết Đan	Trường	14/11/2006	CCQ2435A	369	Trường	7,6	Trường	6,5	7,1	9,9	8,2	
21	2124350038	Trần Vương Khải	Tú	07/04/2006	CCQ2435A	217	Tú	5,8	Tú	6,3	6,1	6,3	6,2	
22	2124350029	Nguyễn Trọng Khánh	Tuyển	07/05/2006	CCQ2435A	426	Khánh	4,4	Khánh	5,0	4,7	8,8	6,3	
23	2124350035	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	12/07/2006	CCQ2435A	218	Tuyết	4,3	Tuyết	7,0	5,7	6,9	6,2	
24	2124350032	Hồ Ngọc	Vinh	05/11/2006	CCQ2435A	145	Vinh	3,6	Vinh	3,9	3,8	6,4	4,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

A: 20
H: 01

79
C. Văn

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460569)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B108

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: 06-32

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2124260011	Hoàng Tấn	Phát	15/11/2006	CCQ2426A	369	Phát	5,5	Phát	8,7	7,1	8,6	7,7	
2	2124260035	Trần Thanh	Phong	14/05/2006	CCQ2426A	217	Phong	6,6	Phong	7,6	7,1	7,5	7,3	
3	2124260026	Nguyễn Ngọc	Phương	14/09/2006	CCQ2426A	369	Phương	9,4	Phương	9,8	9,6	9,6	9,6	
4	2124260170	Tạ Lê Thu	Phương	10/12/2004	CCQ2426B	217	Phương	6,4	Phương	8,5	7,5	6,4	7,1	
5	2124260047	Điền Nguyễn Nhật	Quỳnh	30/01/2005	CCQ2426B	369	Quỳnh	8,9	Quỳnh	9,1	9,0	8,7	8,9	
6	2124260067	Hồ Như	Quỳnh	13/03/2005	CCQ2426B	217	Quỳnh	6,0	Quỳnh	3,7	4,9	6,2	5,4	
7	2124260009	Nguyễn Minh	Tấn	04/04/2005	CCQ2426A	426	Tấn	4,9	Tấn	3,0	4,0	6,9	5,2	
8	2124260169	Bùi Thị Phương	Thanh	26/06/2006	CCQ2426A	415	Thanh	3,3	Thanh	5,9	4,6	5,5	5,0	
9	2124260029	Ngô Lê	Thanh	17/12/2006	CCQ2426A							0		
10	2124260016	Võ Thị	Thảo	28/02/2006	CCQ2426A	145	Thảo	4,5	Thảo	5,2	4,9	7,3	5,9	
11	2124260052	Lê Thị Anh	Thư	30/06/2006	CCQ2426B							0		
12	2124260017	Phạm Thị Thu	Thúy	16/09/2006	CCQ2426A	145	Thúy	6,4	Thúy	8,8	7,6	8,5	8,0	
13	2124260007	Lê Hạnh	Tiên	11/12/2006	CCQ2426A	145	Thiên	8,7	Thiên	8,9	8,8	9,5	9,1	
14	2124260168	Nguyễn Thị Thuý	Trâm	20/06/2006	CCQ2426A	426	Trâm	6,5	Trâm	7,1	6,8	7,3	7,0	
15	2124260061	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	01/01/2006	CCQ2426B	145	Trâm	5,9	Trâm	8,5	7,2	8,4	7,7	
16	2124260025	Nguyễn Hoài Bảo	Trần	08/11/2006	CCQ2426A	426	Trần	5,5	Trần	3,6	4,6	5,7	5,0	
17	2124260049	Đinh Ngọc Thủy	Trang	15/01/2006	CCQ2426B	145	Trang	2,7	Trang	3,0	2,9	3,2	3,0	

27/04/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460569)

- Thi Viết

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B108

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 05/5/2025

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-52

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2124260038	Phạm Minh	Tri	22/11/2006	CCQ2426B	426	<i>[Signature]</i>	5,5	<i>[Signature]</i>	7,3	6,4	7,7	6,9	
19	2124260059	Lê Văn Anh	Tuấn	15/11/2006	CCQ2426B	217	<i>[Signature]</i>	6,2	<i>[Signature]</i>	6,3	6,3	6,8	6,5	
20	2124260068	Hồ Ngô Ngọc	Tuyền	06/11/2006	CCQ2426B	369	<i>[Signature]</i>	6,3	<i>[Signature]</i>	7,0	6,7	8	7,2	
21	2124260044	Nguyễn Võ Thủy	Uyên	04/11/2006	CCQ2426B	217	<i>[Signature]</i>	8,6	<i>[Signature]</i>	6,0	7,3	7,9	7,5	
22	2124260039	Nguyễn Thị Tó	Viên	04/01/2006	CCQ2426B	369	<i>[Signature]</i>	6,9	<i>[Signature]</i>	5,1	6,0	7,1	6,4	
23	2124260051	Nguyễn Thế	Vinh	14/08/2006	CCQ2426B							0		
24	2124260013	Phan Thanh	Vỹ	08/06/2006	CCQ2426A	369	<i>[Signature]</i>	4,3	<i>[Signature]</i>	4,4	4,4	5,8	5,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

A: 15
H: 2

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

[Signature]

[Signature]

[Signature]
[Signature]
[Signature]

[Signature]

[Signature]
[Signature]

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460592)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B109

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2124320106	Nguyễn Trà	My	17/05/2006	CCQ2432C	369	<i>[Signature]</i>	9.1	<i>[Signature]</i>	8.5	88	9.7	92	
2	2124320140	Hồ Nhật	Nam	29/10/2005	CCQ2432D						0		<i>cấm thi</i>	
3	2124320124	Khổng Văn	Nam	10/01/2006	CCQ2432D	369	<i>[Signature]</i>	5.1	<i>[Signature]</i>	6.8	6.0	6.6	6.2	
4	2124320120	Nguyễn Lê Nhật	Nam	01/04/2006	CCQ2432D						0		<i>cấm thi</i>	
5	2124320115	Phạm Trần Xuân	Ngân	19/01/2006	CCQ2432C	217	<i>[Signature]</i>	7.5	<i>[Signature]</i>	8.2	7.9	8.4	8.1	
6	2124320108	Phan Kim	Ngân	23/01/2006	CCQ2432C	369	<i>[Signature]</i>	6.8	<i>[Signature]</i>	8.2	7.5	8.3	7.8	
7	2124320114	Võ Tú	Ngân	17/02/2006	CCQ2432D	426	<i>[Signature]</i>	5.1	<i>[Signature]</i>	4.4	4.9	7.6	6.0	
8	2124320099	Nguyễn Phương	Nghi	10/09/2006	CCQ2432C	145	<i>[Signature]</i>	8.0	<i>[Signature]</i>	8.0	8.0	9.7	8.7	
9	2124320098	Phan Ngọc Phương	Nghi	18/07/2006	CCQ2432C	426	<i>[Signature]</i>	6.3	<i>[Signature]</i>	3.0	5.7	8.4	6.8	
10	2124320115	Nguyễn Đoàn Hiếu	Nghĩa	15/04/2005	CCQ2432D	426	<i>[Signature]</i>	2.0	<i>[Signature]</i>	4.6	3.3	5.2	4.1	
11	2124320094	Hồ Văn	Phúc	03/07/2006	CCQ2432C	145	<i>[Signature]</i>	6.2	<i>[Signature]</i>	6.0	6.1	6.8	6.4	
12	2124320096	Đoàn Thị Ngọc	Phương	15/01/2003	CCQ2432C						0.0	6.3	2.5	
13	2124320091	Huỳnh Văn	Thanh	13/05/2006	CCQ2432C	145	<i>[Signature]</i>	5.1	<i>[Signature]</i>	6.1	5.6	6.6	6.0	
14	2124320085	Trần Lê Anh	Thư	25/09/2004	CCQ2432C	426	<i>[Signature]</i>	9.4	<i>[Signature]</i>	8.0	8.7	9.5	9.0	
15	2124320100	Nguyễn Thanh	Thúy	11/04/2006	CCQ2432C	145	<i>[Signature]</i>	5.6	<i>[Signature]</i>	7.0	6.3	8.9	7.3	
16	2124320084	Phạm Thị Thảo	Tiến	16/10/2005	CCQ2432C						0		<i>cấm thi</i>	
17	2124320079	Bùi Xuân	Tiến	20/05/2006	CCQ2432C	145	<i>[Signature]</i>	4.7	<i>[Signature]</i>	5.1	4.9	4.4	4.7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1: *[Signature]* Cán bộ coi thi 2: *[Signature]*
G.Viên chấm thi 1 Môn Viết: *[Signature]* G.Viên chấm thi 2 Môn Viết: *[Signature]*
G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp: *[Signature]* G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp: *[Signature]*
C. Sương
Nguyễn Thị Tuyết Hoa
Đ.T. Sương
h.T. Nguỵ
Phạm Thị Xà

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460592)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B109

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 05/5/2025 Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 14h45 Số bài thi: 17

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 17

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2124320102	Nguyễn Thị Mỹ	Trâm	29/10/2006	CCQ2432C	426	<i>Tram</i>	6.5	<i>Tram</i>	8.2	7.4	7.9	7.6	
19	2124320088	Trần Ngọc Bích	Trâm	23/01/2006	CCQ2432C							0	<i>Cấm thi</i>	
20	2124320109	Trần Châu	Tuấn	18/11/2006	CCQ2432C	369	<i>Tram</i>	5.9	<i>Tram</i>	5.8	5.9	8.5	6.9	
21	2124320101	Lê Quốc	Tùng	16/04/2006	CCQ2432C							0	<i>Cấm thi</i>	
22	2124320112	Nguyễn Ngọc Nhã	Uyên	24/10/2006	CCQ2432C	369	<i>Nguyen</i>	5.1	<i>Nguyen</i>	3.5	4.3	8.1	5.8	
23	2124320095	Lê Thị Tường	Vy	22/02/2003	CCQ2432C							0	<i>Cấm thi</i>	
24	2124320087	Mai Thị Bình	Yến	11/10/2005	CCQ2432C	217	<i>Yen</i>	7.4	<i>Yen</i>	7.0	7.2	9.2	8.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

D.07
R.05

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460571)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B201

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/05/2025

Giờ thi: 7h30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 12

Số bài thi: 12

Số tờ giấy thi: 12

Số SV có mặt: 11

Số bài thi: 11

Số tờ giấy thi: 11

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2124260127	Nguyễn Thảo	My	29/11/2006	CCQ2426D	217	<i>[Signature]</i>	3,8	<i>[Signature]</i>	6,5	5,2	7	5,9	
2	2124260131	Bùi Thị Tô	Nga	24/10/2006	CCQ2426D	145	<i>[Signature]</i>	4,4	<i>[Signature]</i>	6,5	0,0	3,5	1,4	HL
3	2124260091	Nguyễn Thị Kim	Ngân	21/11/2006	CCQ2426C	426	<i>[Signature]</i>	5,1	<i>[Signature]</i>	8,5	6,8	4,2	5,8	
4	2124260108	Phạm Hồng	Ngân	12/11/2006	CCQ2426D							0	Cấm thi	
5	2124260080	Vô Nguyễn Thanh	Ngân	13/09/2006	CCQ2426C							2		
6	2124260073	Ngô Minh	Nghĩa	11/06/2006	CCQ2426C	145	<i>[Signature]</i>	3,6	<i>[Signature]</i>	4,8	4,2	7	5,3	
7	2124260096	Phạm Trần Bảo	Ngọc	13/06/2006	CCQ2426C							2,2		
8	2124260079	Vô Hoàng	Nguyễn	20/03/2006	CCQ2426C							0	Cấm thi	
9	2124260071	Thiên Thị Ánh	Nguyệt	30/10/2006	CCQ2426C							0	Cấm thi	
10	2124260111	Bùi Anh	Nhật	14/09/2006	CCQ2426D							0	Cấm thi	
11	2124260090	Thái Yến	Nhi	15/11/2006	CCQ2426C							0	Cấm thi	
12	2124260089	Lê	Phú	17/01/2006	CCQ2426C							0	Cấm thi	
13	2124260078	Nguyễn Hữu Khải	Quân	20/09/2006	CCQ2426C	217	<i>[Signature]</i>	5,3	<i>[Signature]</i>	4,5	4,9	7	5,7	
14	2124260103	Nguyễn Minh	Quân	18/09/2006	CCQ2426C	426	<i>[Signature]</i>	7,4	<i>[Signature]</i>	9,2	8,3	7,5	8,0	
15	2124260087	Lâm Thanh	Sang	28/09/2005	CCQ2426C	426	<i>[Signature]</i>	2,9			0,0	4	1,6	HL
16	2124260092	Dương Thị Mỹ	Tâm	28/10/2006	CCQ2426C	369	<i>[Signature]</i>	2,7	<i>[Signature]</i>	4,5	3,6	6,1	4,6	HL
17	2124260166	Nguyễn Đức	Tau	06/07/2006	CCQ2426C							2,5		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460571)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B201

Số SV có mặt: 12

Số bài thi: 12

Số tờ giấy thi: 12

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 06/5/2025 Số SV có mặt: 11

Giờ thi: 7h30 Số bài thi:

Phòng thi: D5-26 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2124260100	Lê Thế	Thành	14/07/2006	CCQ2426C							5,6		
19	2124260097	Lê Huỳnh Minh	Thuận	20/11/2006	CCQ2426C	369	Minh	5,9	Minh	6,8	6,4	8	7,0	
20	2124260115	Trần Nguyễn Huy	Toàn	29/12/2006	CCQ2426C							0		
21	2124260088	Nguyễn Quyền	Trần	12/06/2006	CCQ2426C	369	Trần	2,6	Trần	4,5	3,6	5,5	4,4	HL
22	2124260098	Trần Duy	Triều	03/03/2003	CCQ2426C							0	Cấm thi	
23	2124260075	Huỳnh Nguyễn Nhật	Trình	16/10/2006	CCQ2426C							0	Cấm thi	
24	2124260084	Trần Thanh	Trúc	18/09/2006	CCQ2426C	217	Trúc	4,3	Trúc	4,5	4,4	5,5	4,8	HL
25	2124260093	Đoàn Văn Phú	Vinh	16/01/2003	CCQ2426C	745	Phu	8,4	Phu	8,8	8,6	9,5	9,0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

Nguyễn Xuân Lưu

Phùng Minh

Ms. Trần Thị Di Hương

Phùng Thị Hòa

Nguyễn Minh

Nguyễn Thị Hòa

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460579)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B202

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2124300002	Võ Ngọc	Phúc	08/11/2003	CCQ2430A	145		9,6		9,5	9,6	9,7	9,6	
2	2124300019	Trần Nguyễn Uyên	Phương	03/10/2006	CCQ2430A	426		3,7		6,0	4,9	7	5,7	
3	2124300016	Nguyễn Đình	Quyển	11/11/2006	CCQ2430A	145		3,3		5,0	4,2	7	5,3	
4	2124300028	Trịnh Thị	Quỳnh	11/08/2006	CCQ2430A	426		5,3		6,7	6,0	5	5,6	
5	2124300046	Nguyễn Duy	Tân	24/10/2006	CCQ2430B	145		3,9		6,2	5,1	6	5,5	
6	2124300066	Trương Đức	Thắng	08/10/2006	CCQ2430B							0		
7	2124300022	Đinh Thị Thu	Thanh	08/09/2006	CCQ2430A	369		3,8		3,4	3,6	6	4,6	HL
8	2124300037	Võ Hoàng	Thánh	04/02/2005	CCQ2430B							0		
9	2124300008	Đặng Thị Thu	Thảo	12/03/2006	CCQ2430A	369		5,5		5,4	5,5	6,6	5,9	
10	2124300018	Đinh Thị Hồng	Thảo	10/10/2006	CCQ2430A	217		3,5		4,2	3,9	6	4,7	HL
11	2124300034	Lê Đức	Thịnh	31/01/2005	CCQ2430A	369		3,1		0,0	1,6	5	3,0	HL
12	2124300060	Nguyễn Thị Kim	Thoại	27/06/2006	CCQ2430B							2		
13	2124300054	Nguyễn Văn	Thống	05/01/2006	CCQ2430B	426		6,3		5,0	5,7	7	6,2	
14	2124300061	Nguyễn Anh	Thống	21/05/2006	CCQ2430B	217		7,0		7,5	7,3	7,6	7,4	
15	2124300017	Vũ Hoàng Minh	Thư	07/09/2006	CCQ2430A	369		7,7		8,7	8,2	8,9	8,5	
16	2124300045	Nguyễn Hữu	Thuận	22/10/2006	CCQ2430B							0		
17	2124300035	Trần Thanh	Tiến	07/05/2006	CCQ2430A	369		6,5		7,9	7,2	8,1	7,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

[Signature]
Nguyễn Xuân Lộc

[Signature]
Phạm Nguyễn Minh

[Signature]
Ms. Trần Thị Di Hương

[Signature]
Phạm Thị Ngọc Loan

[Signature]
Nguyễn Văn Tiến

[Signature]
Ng. T.T. Hoa

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460579)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B202

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 05/5/2025 Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 14h45 Số bài thi:

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2124300021	Nguyễn Trọng	Toàn	20/10/2006	CCQ2430A	217	Toàn	4,8	Toàn	6,5	5,7	6	5,8	
19	2124300030	Cù Minh	Trung	10/08/2006	CCQ2430A	369	Trung	3,6	Trung	2,7	3,2	5,5	4,1	HL
20	2124300050	Hoàng Anh	Tuấn	29/09/2005	CCQ2430B							0	Cấm thi	
21	2124300004	Trần Anh	Tuấn	29/07/2006	CCQ2430A	145	Tuan	7,1	Tuan	2,8	5,0	7,8	6,1	
22	2124300068	Trương Thị Diễm	Tuyền	20/11/2006	CCQ2430B	426	Tuyen	9,3	Tuyen	9,2	9,3	10	9,6	
23	2124300040	Phạm Ngọc Khánh	Uyên	09/02/2006	CCQ2430B	145	uyen	3,0	uyen	6,6	4,8	7	5,7	
24	2124300062	Phạm Vũ Như	Uyên	01/03/2006	CCQ2430B	426		5,2		8,6	6,9	6,6	6,8	
25	2124300067	Trần Nguyễn Yến	Vy	18/02/2006	CCQ2430B	145	Vy.	6,0	Vy.	6,3	6,2	6	5,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ: 21
H: 01

Cán bộ coi thi 1

[Signature]
V.T. Hết

Cán bộ coi thi 2

[Signature]
Đào Thị Diệu

C. Viên chấm thi 1

Môn Viết

[Signature]
Dương Minh Tuấn

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

[Signature]
Nguyễn Ngọc Châu

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

[Signature]
Cát Tiên Dung

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

[Signature]
Nguyễn T. Văn

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460570)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B203

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 05/5/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D6-33

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: X

Số tờ giấy thi: X

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2124260057	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	15/06/2006	CCQ2426B	426	Linh	4,6	Linh	3,1	3,9	8,3	5,7	
2	2124360028	Trương Thụy Phương	Linh	02/07/2006	CCQ2436A	369	Phuong	6,9	Phuong	7,2	7,1	8,7	7,7	
3	2124360005	Vũ Thủy	Linh	20/01/2004	CCQ2436A	217	Thuy	6,8	Thuy	8,2	7,5	8,9	8,1	
4	2124260063	Nguyễn Hồng	Lộc	04/07/2006	CCQ2426B	145	Hong	4,9	Hong	5,7	5,3	5	5,2	
5	2124260037	Phan Minh	Lý	22/12/2005	CCQ2426B	426	Minh	3,4	Minh	1,2	2,3	7,9	4,5	
6	2124260060	Trương Thị Kiều	Lý	15/09/2006	CCQ2426B	369	Kieu	6,6	Kieu	7,3	7,0	8,9	7,8	
7	2124360025	Phan Thị Xuân	Mai	30/09/2006	CCQ2436A	217	Xuan	6,3	Xuan	8,1	7,2	8,9	7,9	
8	2124360027	Nguyễn Duy	Mạnh	24/06/2006	CCQ2436A	145	Duy	5,6	Duy	6,0	5,8	8,8	7,0	
9	2124360020	Đặng Huỳnh Ngọc	Ngân	27/10/2006	CCQ2436A							0	Cấm thi	
10	2124260045	Huỳnh Thiên	Ngân	10/08/2006	CCQ2426B	369	Ngan	4,3	Ngan	4,7	4,5	7,3	5,6	
11	2124360008	Trần Thảo	Ngân	22/06/2004	CCQ2436A	217	Thao	7,2	Thao	7,4	7,3	8,9	7,9	
12	2124360023	Trương Bảo	Ngân	19/04/2006	CCQ2436A	145	Bao	7,0	Bao	7,3	7,2	8,8	7,8	
13	2124360018	Tô Mẫn	Nghi	25/08/2004	CCQ2436A	426	Minh	6,2	Minh	6,5	6,4	8,2	7,1	
14	2124360015	Võ Trần Bảo	Nghi	12/03/2006	CCQ2436A	369	Bao	9,0	Bao	9,0	9,0	9,5	9,2	
15	2124360022	Trần Hồng	Ngọc	07/09/2006	CCQ2436A	217	Hong	7,1	Hong	6,7	6,9	9	7,7	
16	2124360024	Nguyễn Hoàng Thảo	Nguyễn	11/04/2006	CCQ2436A	145	Thao	7,3	Thao	8,0	7,7	8,9	8,2	
17	2124360037	Nguyễn Thị Thảo	Nguyễn	26/06/2006	CCQ2436A							0	Cấm thi	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

[Signature]
V.T. Kiệt

Cán bộ coi thi 2

[Signature]
Hào Thị Diệu

G. Viên chấm thi

Môn Văn

[Signature]
Nguyễn Minh Hoàng

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn

[Signature]
Nguyễn Ngọc Châu

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

[Signature]
C. Châu

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

[Signature]
Ng. H. T. Văn

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460570)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B203

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi:

Giờ thi:

Phòng thi:

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2124360007	Hoàng Thị Tâm	Như	10/03/2006	CCQ2436A	426	<i>[Signature]</i>	6,4	<i>[Signature]</i>	7,2	6,8	8,4	7,4	
19	2124360029	Bùi Thị Ngọc	Phương	24/06/2006	CCQ2436A	217	<i>[Signature]</i>	8,4	<i>[Signature]</i>	8,7	8,6	9,3	8,9	
20	2124360019	Vũ Thị Mai	Phương	05/09/2006	CCQ2436A	145	<i>[Signature]</i>	7,2	<i>[Signature]</i>	7,7	7,5	8,9	8,1	
21	2124360030	Nguyễn Dương Minh	Thư	15/07/2006	CCQ2436A	126	<i>[Signature]</i>	7,5	<i>[Signature]</i>	7,7	7,6	8	7,8	
22	2124360004	Nguyễn Minh	Thư	09/09/2005	CCQ2436A	569	<i>[Signature]</i>	8,0	<i>[Signature]</i>	8,7	8,4	9,1	8,7	
23	2124360043	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	16/03/2005	CCQ2436A	217	<i>[Signature]</i>	6,3	<i>[Signature]</i>	8,6	7,5	8,7	8,0	
24	2124360021	Dương Ngọc Thủy	Thương	06/04/2006	CCQ2436A	145	<i>[Signature]</i>	6,4	<i>[Signature]</i>	7,8	7,1	8,8	7,8	
25	2124360009	Nguyễn Hồ Thủy	Tiền	22/12/2006	CCQ2436A							0	<i>[Signature]</i>	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ: 23
H: 0

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Minh Hoàng
Lê Minh Hoàng

Ph. Vinh
Ph. Vinh

Thăng Hoàng
Thăng Hoàng

Ng. T. Xuân Hồng
Ng. T. Xuân Hồng

Ng. T. P. Linh
Ng. T. P. Linh

Phạm Thị Thu
Phạm Thị Thu

(24)

C. Hồng

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460534)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B204

Số SV có mặt: 23
Số bài thi: 23
Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 05/5/2025 Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 14h45 Số bài thi: 23

Phòng thi: D5-30 Số tờ giấy thi: 23

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2124120054	Trần Thị Minh	Phượng	05/09/2006	CCQ2412B	369	<i>Phượng</i>	6.4	<i>Phượng</i>	4.0	5.2	8.5	6.5	
2	2124120020	Phạm Lê Xuân	Quyên	15/01/2006	CCQ2412A	217	<i>Quyên</i>	6.3	<i>Quyên</i>	8.6	7.5	8.5	7.9	
3	2124120038	Nguyễn Ngọc	Son	08/10/2003	CCQ2412B	145	<i>Son</i>	9.5	<i>Son</i>	8.3	8.9	8.5	8.7	
4	2124120046	Lê Thị Huyền	Sương	11/03/2006	CCQ2412B						0			Cán thi
5	2124120065	Lê Huỳnh Thanh	Tấn	27/01/2006	CCQ2412B	369	<i>Tấn</i>	5.7	<i>Tấn</i>	2.7	4.2	8	5.7	
6	2124120016	Đoàn Thị Hồng	Thắm	26/07/2001	CCQ2412A	217	<i>Tham</i>	9.4	<i>Tham</i>	8.7	9.1	9.5	9.3	
7	2124120042	Đinh Viết	Thạo	01/07/2006	CCQ2412B	145	<i>Thao</i>	7.5	<i>Thao</i>	1.5	4.5	8.6	6.1	
8	2124120025	Ngô Ngọc Anh	Thư	23/09/2006	CCQ2412A	426	<i>Thư</i>	9.5	<i>Thư</i>	9.3	9.4	9.5	9.4	
9	2124120063	Phạm Minh Huyền	Thư	11/08/2006	CCQ2412B	369	<i>Thư</i>	9.5	<i>Thư</i>	9.2	9.4	7.6	8.7	
10	2124120064	Huỳnh Thị Mỹ	Thương	15/11/2004	CCQ2412B	217	<i>Thư</i>	9.3	<i>Thư</i>	8.6	9.0	9	9.0	
11	2124120047	Nguyễn Trọng	Toàn	04/12/2006	CCQ2412B	426	<i>Toàn</i>	7.5	<i>Toàn</i>	5.6	6.6	6.1	6.4	
12	2124120021	Lê Ngọc Bảo	Trâm	12/01/2006	CCQ2412A	145	<i>Trâm</i>	7.4	<i>Trâm</i>	6.2	6.8	8.3	7.4	
13	2124120006	Nguyễn Ngọc Khả	Trâm	25/02/2004	CCQ2412A	426	<i>Trâm</i>	6.3	<i>Trâm</i>	6.0	6.2	8.1	7.0	
14	2124120049	Nguyễn Tú	Trần	15/11/2006	CCQ2412B	217	<i>Trần</i>	5.2	<i>Trần</i>	1.8	3.5	8.3	5.4	
15	2124120023	Trương Thị Thái	Trần	05/02/2006	CCQ2412A	145	<i>Trần</i>	5.0	<i>Trần</i>	7.1	6.1	9	7.3	
16	2124120017	Bùi Ngọc Phương	Trang	17/09/2001	CCQ2412A	426	<i>Trang</i>	7.6	<i>Trang</i>	8.4	8.0	9.2	8.5	
17	2124120031	Đinh Thị Thủy	Trang	11/11/2006	CCQ2412A	369	<i>Trang</i>	7.7	<i>Trang</i>	5.7	6.7	8.8	7.5	

27/04/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

[Signature]
Trần Minh Hoàng

[Signature]
Trần Minh Hoàng

[Signature]
Hong Thang Giang

[Signature]
Ng.T.Xuan Hong

[Signature]
Ng.T.P.Linh

[Signature]
Trần Phú Cường

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460534)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B204

Số SV có mặt: 23
Số bài thi: 23
Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 05/5/2025 Số SV có mặt: 23
Giờ thi: 14h45 Số bài thi: 1
Phòng thi: D5-30 Số tờ giấy thi: 1

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HPP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2124120018	Hồ Ngọc Thùy	Trang	11/01/2006	CCQ2412A	217	Trang	4.7	Trang	7.1	5.9	8.9	7.1	
19	2124120011	Trần Quang	Triều	27/04/2004	CCQ2412A	145	Triều	4.5	Triều	7.4	6.0	8.1	6.8	
20	2124120034	Hồ Thị Tuyết	Trinh	23/04/2006	CCQ2412A	426	Trinh	7.0	Trinh	5.4	6.2	9	7.3	
21	2124120036	Nguyễn Văn	Trọng	19/07/2004	CCQ2412B							0	Cấm thi	
22	2124120045	Trần Thị	Tuyết	09/03/2006	CCQ2412B	217	Tuyết	5.4	Tuyết	5.4	5.4	8.5	6.6	
23	2124120035	Phan Chi	Vĩ	10/05/2006	CCQ2412A	145	Vĩ	7.0	Vĩ	8.0	7.5	9.1	8.1	
24	2124120051	Phạm Huy	Vũ	07/12/2006	CCQ2412B	426	Vũ	3.8	Vũ	7.0	5.4	7.3	6.2	
25	2124120033	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	04/08/2006	CCQ2412A	369	Vy	5.7	Vy	5.6	5.7	8.8	6.9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Đ 1 19
h 1 02

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Thư
Chánh Thiết
Đư

Thư
Nguyễn Thị
Đào

Đặng Thanh Mai

Thư
Hồng Thắm Hoàng

Thư
Trần Thị Bích Hồng

Thư
M. Loan

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460587)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B205

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 05/5/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2124310097	Nguyễn Thăng	Long	09/08/2006	CCQ2431C	145	Long	5,5	Long	3,8	4,7	8,2	6,1	
2	2124310083	Bùi Đức	Lương	02/10/2005	CCQ2431C	217	Lương	1,9	Lương	3,4	2,2	7,6	4,7	
3	2124310122	Nguyễn Thị Thảo	My	01/01/2006	CCQ2431D	145	Nguyễn Thị Thảo	6,1	Nguyễn Thị Thảo	8,5	7,3	8,2	7,7	
4	2124310127	Trương Thị Diễm	My	17/03/2006	CCQ2431D	217	My	6,5	My	7,2	6,9	7,4	7,1	
5	2124310100	Đặng Lê Kim	Ngân	18/03/2006	CCQ2431C	145	Ngân	7,6	Ngân	6,8	7,2	8	7,5	
6	2124310094	Lâm Kiến	Nghĩa	28/05/2006	CCQ2431C	217	Lâm Kiến	7,7	Lâm Kiến	8,0	7,9	7,4	7,7	
7	2124310096	Trần Thị Khánh	Ngọc	18/11/2006	CCQ2431C	426	Trần Thị Khánh	9,0	Trần Thị Khánh	8,3	8,7	9,5	9,0	
8	2124310079	Phạm Thị Thủy	Nguyệt	14/09/2006	CCQ2431C	369	Phạm Thị Thủy	7,4	Phạm Thị Thủy	6,2	6,8	8,7	7,6	
9	2124310101	Lê Nguyễn Hồng	Nhung	15/07/2005	CCQ2431C	426	Lê Nguyễn Hồng	3,9	Lê Nguyễn Hồng	4,4	4,2	7,7	5,6	
10	2124310087	Nguyễn Ngọc Trường	Sinh	14/06/2006	CCQ2431C	369	Nguyễn Ngọc Trường	7,3	Nguyễn Ngọc Trường	8,1	7,7	9	8,2	
11	2124310104	Nguyễn Thanh	Tâm	04/11/2006	CCQ2431C	426	Nguyễn Thanh	6,1	Nguyễn Thanh	5,2	5,7	6,3	5,9	
12	2124310075	Hồ Thị Thuý	Tiến	20/04/2005	CCQ2431C	369	Hồ Thị Thuý	7,3	Hồ Thị Thuý	7,5	7,4	9,1	8,1	
13	2124310090	Phạm Xuân	Tinh	21/10/2006	CCQ2431C	217	Phạm Xuân	7,2	Phạm Xuân	3,4	5,3	6,4	5,7	
14	2124310099	Nguyễn Đình	Tri	07/06/2006	CCQ2431C							0		
15	2124310088	Trần Lê Thủy	Triều	31/07/2006	CCQ2431C	217	Trần Lê Thủy	6,6	Trần Lê Thủy	3,9	5,3	8,2	6,5	
16	2124310085	Nguyễn Bảo	Trọng	13/06/2006	CCQ2431C	145	Nguyễn Bảo	4,4	Nguyễn Bảo	5,7	5,1	7,1	5,9	
17	2124310072	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	06/07/2005	CCQ2431C	217	Nguyễn Thị Cẩm	7,7	Nguyễn Thị Cẩm	6,2	7,0	8,1	7,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Chuẩn Thiết
Nguyễn Phú
Đặng Thanh Mai

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Hồng Thắm Hoàng
Trần Thị B. Hương

N. Thuan

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460587)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B205

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 24

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 05/5/2025 Số SV có mặt:

Giờ thi: 14h45 Số bài thi:

Phòng thi: D5-29 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2124310093	Trương Anh	Tuấn	28/02/2006	CCQ2431C							0		
19	2124310082	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	09/01/2006	CCQ2431C	369	Thuy	7,5	Thuy	9,4	8,5	8,3	8,4	
20	2124310084	Nguyễn Thị Cẩm	Ty	10/05/2005	CCQ2431C	426	Camp	4,4	Camp	2,4	3,4	6,5	4,6	
21	2124310103	Trần Thị	Vân	24/09/2005	CCQ2431A	869	Tran	8,4	Tran	7,4	7,9	9,7	8,6	
22	2124310089	Mai Nguyễn Thuý	Vì	23/09/2005	CCQ2431C	426	Thuy	7,4	Thuy	7,9	7,7	8,8	8,1	
23	2124310105	Dịp Hưng	Vượng	03/12/2006	CCQ2431C							0		
24	2124310074	Huỳnh Kim	Xuyến	29/03/2006	CCQ2431C	369	Xuyen	6,2	Xuyen	3,2	4,7	6,9	5,6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

86

C.Loan

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G Viên chấm thi 1

G Viên chấm thi 2

G Viên chấm thi 1

G Viên chấm thi 2

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

Trần Danh
Nguyễn Thị Hiền

Phạm Thanh Loan

Nguyễn Thanh Loan

P.V. Mel

Phan T. Ph

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460589)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B206

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2124310166	Nguyễn Hồng	Quyên	24/09/2005	CCQ2431E							0		
2	2124310153	Trương Thanh	Tài	15/12/2006	CCQ2431E	145	Trương	5.9	Tài	7.2	6.6	7	6.8	
3	2124310133	Bùi Thị Mỹ	Tâm	26/08/2006	CCQ2431D	217	Mina	9.5	Mina	8.8	9.2	10	9.5	
4	2124310125	Huỳnh Ngọc Hiếu	Thảo	13/02/2006	CCQ2431D	369	Thảo	8.9	Thảo	8.8	8.9	8.1	8.6	
5	2124310160	Đào Minh	Thư	31/10/2006	CCQ2431E	426	Đào	5.2	Đào	5.1	5.2	6.9	5.9	
6	2124310123	Nguyễn Minh	Thư	21/10/2006	CCQ2431D							0		
7	2124310121	Nguyễn Thị Anh	Thư	20/01/2006	CCQ2431D	145	Nguyễn	8.5	Nguyễn	9.7	9.1	8.7	8.9	
8	2124310145	Võ Thị Minh	Thư	16/09/2004	CCQ2431E	145	Võ	8.0	Võ	8.5	8.3	9.9	8.9	
9	2124310109	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Thủy	02/12/2006	CCQ2431D	247	Thủy	4.8	Thủy	5.0	4.9	4.6	4.8	
10	2124310117	Nguyễn Thị Ánh	Thy	27/11/2006	CCQ2431D	369	Nguyễn	8.3	Nguyễn	8.2	8.3	9.5	8.8	
11	2124310110	Mai Thị Thuý	Tiến	03/04/2006	CCQ2431D	426	Mai	5.6	Mai	6.0	5.8	6.1	5.9	
12	2124310134	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiến	03/07/2006	CCQ2431D							0		
13	2124310151	Nguyễn Võ Mỹ	Tiến	11/01/2006	CCQ2431E							0		
14	2124310128	Nóng Thị Cẩm	Tiến	20/05/2006	CCQ2431D	217	Nóng	8.1	Nóng	8.5	8.3	9.9	8.9	
15	2124310140	Tào Quang	Toàn	01/04/2005	CCQ2431D							1.3		
16	2124310143	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	17/12/2006	CCQ2431E	369	Nguyễn	6.9	Nguyễn	7.7	7.3	9.2	8.1	
17	2124310150	Trần Thị Mai	Trang	01/02/2006	CCQ2431E	426	Trần	4.7	Trần	7.0	5.9	6.5	6.1	

HL

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Tiếng Anh 2 (22460589)

- Thi Viết:

Ngày thi: 05/05/2025

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B206

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 05/5/2025

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2124310170	Hồ Công Anh	Trường	26/03/2006	CCQ2431E	145		8.4		8.5	8.5	8.4	8.5	
19	2124310144	Nguyễn Ngọc	Tuyền	15/04/2001	CCQ2431E	217		9.0		8.6	8.8	9.2	9.0	
20	2124310137	Mai Thị Tâm	Uyên	21/09/2006	CCQ2431D	369		9.1		6.0	7.6	7.5	7.6	
21	2124310124	Nguyễn Nhật	Vi	15/06/2006	CCQ2431D	360		9.2		9.3	9.3	9.2	9.3	
22	2124310175	Đặng Duy	Vũ	22/06/2005	CCQ2431E	426		6.0		7.0	6.5	4.2	5.6	
23	2124310130	Nguyễn Thúy	Vy	30/07/2006	CCQ2431D	145						0.7		
24	2124310126	Hà Như	Ý	24/09/2006	CCQ2431D	145		6.9		8.2	7.6	9.9	8.5	
25	2124310138	Nguyễn Thị Như	Ý	11/05/2006	CCQ2431D	217		7.9		8.7	8.3	10	9.0	